

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI: 24 - 36 THÁNG

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong các chủ đề	Điều chỉnh
STT	Mục tiêu			
1.Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao; đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	1->9	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng - Đứng co 1 chân - Đi bước vào các ô - Đi trong đường ngoằn ngoèo - Đi bước qua gậy kê cao - Đi kết hợp với chạy - Đi theo hiệu lệnh đi đều - Bước lên xuống bậc có vịn - Bước lên xuống bậc cao 15cm * Tập nhún bật: - Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Nhún bật tại chỗ - Bật xa bằng 2 chân - Bật qua các vòng - Nhún bật về phía trước	7 1 2 4 8 5 3 6 7 9 8 9 8	
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích	* Tập tung, ném, bắt: - Tung – bắt bóng cùng cô - Tung bóng bằng 2 tay - Tung bóng qua dây	7 5 2	

	xa 1-1,2m.	- Ném xa bằng 1 tay - Ném bóng trúng đích (đích xa 70-100cm) - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích	3 6 1 4	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Tập bò, trườn - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản - Trườn qua vật cản - Trườn chui qua cổng	6 1 7 2 3 5 4	
5	- Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Ném xa lên phía trước 1,5m	8	
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rút, nhào, khuấy, đảo, vò xé	1 ->9	
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ...	- Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. - Đóng cọc bàn gỗ. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 - 8 khối.	1-> 9	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.	1->5 1-> 9	
9	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	1->6	
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy	1->6	

	nơi quy định.	định		
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	1-> 5 1->9	
12	- Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Mặc quần áo đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, khi bị ướt	1-> 9	
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	1,2,4,6,8,9	
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn ...) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	1 -> 9	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a. Luyện tập và phối hợp các giác quan

15	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt – chua- mặn) - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì	1-> 9	
----	---	--	-------	--

b. Nhận biết

16	- Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	2,3	
17		- Tên của cô giáo, các bạn		

	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	nhóm/lớp - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	1, 4	
18	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên, chức năng chính của một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	3 3	
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi	5-> 8	
20	- Trẻ biết chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh - Số lượng (một- nhiều)	1->9	
21	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước (to/nhỏ) theo yêu cầu	- Kích thước (to - nhỏ) - Hình tròn, hình vuông - Vị trí trong không gian (trên - dưới - trước - sau so với bản thân trẻ)	2 1,2,4,5,6, 3	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a. Nghe

22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	2-> 9	
23	- Trẻ trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào?”...)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?” - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc	1->9	
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	1->9	

<i>b, Nói</i>				
25	- Trẻ phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau	1->9	
26	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng		
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	3->9	
28	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau. + Chào hỏi, trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”...	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?” - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	1->9	
29	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	4->9	
4. Lĩnh vực phát triển TC&KNXH và thẩm mỹ.				
30	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân	3	
31	- Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	1,2	
32	- Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	1->9	
33	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	3	
34	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.			
35	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt	- Quan tâm đến các con vật nuôi	5	

	chước tiếng kêu, gọi.			
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn	1-> 5	
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi	1->9	
38	- Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn	2->9	
39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp như: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	3->9	
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ	1->9	
41	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình - Xem tranh		

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ 09/9/2024 - >23/05/2025)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội
Tháng 9 từ 09/09 đến 04/10/2024	1	Trường Mầm non – Tết trung thu	- Bé và các bạn trong lớp. - Các bác, các cô trong trường MN - Bé vui đón Tết trung thu	1 2 1	- Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường (Thứ 5 ngày 5/9/2024) - Tổ chức Trung thu (Thứ 3 ngày 17/09/2024)
Tháng 10 từ 07/10 đến 25/10/2024	2	Đồ dùng, đồ chơi của bé	- Đồ dùng của bé - Đồ dùng bé yêu - Bé với đồ chơi yêu thích	1 1 2	
Tháng 11 từ 28/10 đến 22/11/2024	3	Bản thân – Ngày hội của cô giáo	- Bé là ai - Cơ thể kỳ diệu của bé - Trang phục của bé - Ngày hội của cô giáo	1 1 1 1	- Ngày 20/11(Thứ 4, ngày 20/11/2024)
Tháng 12 từ 25/11 đến 20/12/2024	4	Mẹ và gia đình thân yêu của bé	- Đồ dùng trong gia đình bé - Mẹ của bé - Những người thân trong GD bé	2 1 1	
Tháng 1 từ 23/12/2024 đến 17/01/2025	5	Ngày tết vui vẻ	- Mùa xuân đến rồi - Ngày tết vui vẻ	2 2	Tết nguyên đán (27/01 – 04/02/2025)
Tháng 02/2024 từ 03/02 đến 28/02/2025	6	Những con vật đáng yêu	- Con vật nuôi trong gia đình (có 2 chân) - Con vật nuôi trong gia đình (có 4 chân)	1 1	

			- Con vật sống trong rừng - Con vật sống dưới nước	1 1	
Tháng 3 từ 03/03 đến 28/03/2025	7	Cây và những bông hoa đẹp	- Vườn rau của bé - Vườn cây của bé - Những bông hoa đẹp	1 1 2	
Tháng 04 /2024 từ ngày 31/3 đến 25/04/2025	8	Bé đi khắp nơi bằng PT gì.	- Phương tiện GT đường bộ - Phương tiện GT đường thủy - PTGT đường hàng không	2 1 1	
Tháng 05/2025 từ 28/4 đến 23/05/2025	9	Mùa hè - Bé lên Mẫu giáo	- Dấu hiệu mùa hè - Bé lên Mẫu giáo - Đồ dùng lớp Mẫu giáo	1 1 1	
Tổng:	09 chủ đề			35 tuần	

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT

Hoàng Thị Lệ Hằng